TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Hội Thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương.

Ông Đinh Văn Luận.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tài K, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn NC, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K: Anh Nguyễn ĐA, sinh năm 2000; nơi ĐKHKTT: Số 11 MK, Trần HĐ, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (theo giấy ủy quyền ngày 14/9/2023); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Tạ Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn NT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tài K trình bày: Anh K và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa

Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Năm 2006, do điều kiện gia đình nên anh K đã sang Hàn Quốc để sinh sống và làm việc theo diện xuất khẩu lao động. Năm 2009, anh K trở lại Việt Nam nhưng đến năm 2010, anh K quay lại Hàn Quốc lao động, kể từ đó vợ chồng anh bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Mặc dù, vợ chồng anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, mâu thuẫn không được giải quyết nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân 10 năm nay, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh K đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh có hai người con chung là cháu Nguyễn Tài Lộc, sinh ngày 01/03/2006 và cháu Nguyễn Tài An, sinh ngày 24/01/2010. Hiện nay cả 2 cháu đang ở với mẹ, do điều kiện công việc của anh không thể trực tiếp nuôi con chung nên anh đề nghị giao cháu Lộc và cháu An cho mẹ là chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, vợ chồng anh chị thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Anh K và chị T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn là chị Tạ Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị T nhất trí với lời trình bày của anh K. Chị cũng nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh K, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Chị nhất trí với đề nghị của anh K về việc chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Tài Lộc, sinh ngày 01/03/2006 và cháu Nguyễn Tài An, sinh ngày 24/01/2010. Tuy nhiên, về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T đề nghị anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần cho 02 cháu đến lúc 02

cháu đủ 18 tuổi là 200.000.000 đồng. Nếu không được chấp nhận, chị đề nghị anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có mua được 01 thửa đất và xây dựng nhà 03 tầng trên đất tại thôn Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Đạo. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh K và chị T. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với tài sản chung này.

Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử cho anh Nguyễn Tài K được ly hôn chị Tạ Thị T. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tài Lộc, sinh ngày 01/03/2006 và cháu Nguyễn Tài An, sinh ngày 24/01/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi cháu Lộc và cháu An đủ 18 tuổi. Tài sản chung và công nợ: Không đề nghị xem xét, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2023, anh Nguyễn Tài K đề nghị Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Tạ Thị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Tài K, anh K có hộ khẩu thường trú tại thôn Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Đạo, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh nhưng tại thời điểm thụ lý vụ án anh K đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên đơn khởi kiện, bản tự khai và giấy ủy quyền của anh K đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh của anh K tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Bắc Ninh và Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an được biết, anh Nguyễn Tài K đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 03/6/2009 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh Nguyễn Đức Anh là người đại diện theo ủy quyền của anh K và bị đơn là chị Tạ Thị T nhưng anh Đức Anh và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tài K và chị Tạ Thị T kết hôn ngày 14/4/2005, tại thời điểm kết hôn anh K và chị T đều đủ tuổi, đủ năng lực, đủ điều kiện kết hôn theo luật định và được UBND xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành (nay là thị xã Thuận Thành), tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, mối quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Nguyễn Tài Lộc, sinh ngày 01/03/2006 và cháu Nguyễn Tài An, sinh ngày 24/01/2010. Năm 2006, do điều kiện gia đình nên anh K đã sang Hàn Quốc để sinh sống và làm việc theo diện xuất khẩu lao động. Từ đó đến nay, anh K có về thăm gia đình được 01 lần vào năm 2009. Kể từ đó đến nay, vợ chồng anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Mặc dù, vợ chồng anh chị đã nhiều lần nói chuyện

để hàn gắn nhưng không có kết quả, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh K đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Phía bị đơn là chị T nhất trí với đề nghị xin ly hôn của anh K.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh K và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh K là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, xử cho anh Nguyễn Tài K được ly hôn chị Tạ Thị T.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh K, chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tài Lộc, sinh ngày 01/03/2006 và cháu Nguyễn Tài An, sinh ngày24/01/2010. Từ khi anh K đi lao động tại Hàn Quốc đến nay, cháu Lộc và cháu An vẫn sinh sống cùng chị T, 02 cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ. Đồng thời, anh K và chị T thống nhất giao cháu Lộc và cháu An cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Lộc và cháu An cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh K trình bày anh và chị T thống nhất tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, chị T trình bày, chị đề nghị anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần cho 02 cháu đến lúc 02 cháu đủ 18 tuổi là 200.000.000 đồng. Nếu không được chấp nhận, chị đề nghị anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*". Tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con".* Do đó, việc chị T yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lộc và cháu An là có căn cứ. Tại văn bản trình bày ý kiến của anh K nhất trí với yêu cầu của chị T.

Căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của cháu Lộc, cháu An, để bảo đảm quyền lợi cho 02 cháu, cần buộc anh K phải có trách nhiệm đóng góp, cấp dưỡng nuôi con cho chị T với mức 3.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Tạ Thị T trình bày, quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có mua được 01 thửa đất và xây dựng nhà 03 tầng trên đất tại thôn Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Đạo. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh K và chị T. Tuy nhiên, chị T và anh K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với tài sản chung này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4]. Về công nợ chung: Vợ chồng anh K, chị T không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Tài K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tài K.

1. Anh Nguyễn Tài K được ly hôn chị Tạ Thị T.

2. Giao cháu Nguyễn Tài Lộc, sinh ngày 01/03/2006 và cháu Nguyễn Tài An, sinh ngày 24/01/2010 cho chị Tạ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tài K được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Tài K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Tài Lộc, sinh ngày 01/03/2006 và cháu Nguyễn Tài An, sinh ngày 24/01/2010 hiện đang sống với chị Tạ Thị T mỗi tháng 3.000.000 đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án đến khi cháu Lộc và cháu An đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tài K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh K đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0000010 ngày 25/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính